|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆP  VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  **VIỆN NGHIÊN CỨU HẢI SẢN**  Số: 732 /QĐ-VHS | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**    *Hải Phòng, ngày 04 tháng 9 năm 2013* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v ban hành chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ**

**VIỆN TRƯỞNG VIỆN NGHIÊN CỨU HẢI SẢN**

Căn cứ Quyết định số 1776/QĐ-BNN-TCCB ngày 25/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn qui định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Viện Nghiên cứu Hải sản;

Căn cứ Quyết định số 319/TTg ngày 07/5/1980 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao nhiệm vụ đào tạo trên đại học cho Viện Nghiên cứu Hải sản;

Căn cứ Thông tư 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ Tiến sĩ ban hành theo Thông tư 10/2009/TT-BGDĐT;

Căn cứ Quyết định số 773/QĐ-VHS ngày 10/6/2010 của Viện Nghiên cứu Hải sản về việc ban hành “Quy định đào tạo trình độ Tiến sĩ”;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Khoa học – Đào tạo Viện Nghiên cứu Hải sản,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Nghiên cứu Hải sản.

**Điều 2.** Chủ tịch Hội đồng Khoa học – Đào tạo,trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, trưởng phòng Kế hoạch – Khoa học, Kế toán trưởng, các đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***   * Như Điều 2; * Lãnh đạo Viện; * Lưu:VT, KHKH. | **KT. PHÓ VIỆN TRƯỞNG PHỤ TRÁCH VIỆN**  **PHÓ VIỆN TRƯỞNG**  ***(đã ký)***  **Nguyễn Văn Nguyên** |
|  |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT **VIỆN NGHIÊN CỨU HẢI SẢN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ**

**VIỆN NGHIÊN CỨU HẢI SẢN**

***(Ban hành kèm theo Quyết định số 732 /QĐ-VHS***

***ngày 04/9/2013 của Viện trưởng Viện Nghiên cứu Hải sản)***

**1. GIỚI THIỆU CHUNG**

**1.1. Thông tin chung về chuyên ngành đào tạo**

- Tên chuyên ngành:

+ Tên tiếng Việt: Thủy sinh vật học

+ Tên tiếng Anh: Aquatic Bio-science

- Mã số chuyên ngành: 62 42 01 08

- Bậc đào tạo: Tiến sĩ

- Tên văn bằng:

+ Tên tiếng Việt: Tiến sĩ Thủy sinh vật học

+ Tên tiếng Anh: Doctor in Aquatic Bio-science

- Đơn vị đào tạo: Viện Nghiên cứu Hải sản

**1.2. Đối tượng đào tạo và nguồn tuyển sinh**

- Chuyên ngành đúng:

+ Thủy sinh vật học;

+ Sinh thái học (thủy sinh);

+ Động vật học (thủy sinh);

+ Vi sinh vật học (thủy sinh);

+ Thực vật học (thủy sinh);

+ Di truyền học (thủy sinh);

+ Công nghệ sinh học (thủy sinh).

- Chuyên ngành gần:

+ Nuôi trồng thủy sản;

+ Bệnh thủy sản;

+ Hải dương học.

**2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**

**2.1. Về kiến thức:**

Tiến sĩ phải là người có trình độ cao về lý thuyết và thực hành, có năng lực sáng tạo, độc lập nghiên cứu, có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học và hoạt động chuyên môn, phát hiện và giải quyết được những vấn đề của khoa học - công nghệ và kinh tế.

**2.2. Về năng lực:**

Sau khi hoàn thành các chuyên đề lựa chọn giành cho nghiên cứu sinh và bảo vệ thành công luận án tốt nghiệp thuộc chuyên ngành thủy sinh học, người tiến sĩ có khả năng :

+ Đảm nhiệm chủ trì các đề tài nghiên cứu khoa học - công nghệ các cấp thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình;

+ Giảng dạy tại các trường đại học và cao đẳng có liên quan, hướng dẫn khoá luận tốt nghiệp đại học, luận văn thạc sĩ và tham gia hướng dẫn luận án tiến sĩ;

+ Tổng hợp tài liệu, phát hiện và giải quyết được những vấn đề mới có ý nghĩa về khoa học, công nghệ trong lĩnh vực thủy sinh vật;

+ Thiết kế, tổ chức nghiên cứu độc lập, biết cách phân tích, đánh giá kết quả nghiên cứu về lĩnh vực thủy sinh vật;

+ Có đủ trình độ tin học và tiếng Anh để khai thác tài liệu và trao đổi chuyên môn.

**3. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**3.1. Thời gian đào tạo**

- Đối với những người đã có bằng thạc sĩ: 3-4 năm.

- Viện không tuyển nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ.

**3.2. Cấu trúc của chương trình đào tạo**

- Đối với NCS có bằng thạc sĩ đúng chuyên ngành (chuyên ngành phù hợp), nghiên cứu sinh phải tích lũy đủ 10 tín chỉ, trong đó:

+ Khối kiến thức bắt buộc: 6 tín chỉ.

+ Khối kiến thức tự chọn: 4 tín chỉ.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Khối kiến thức** | **Số tín chỉ** |
| 1 | Kiến thức bắt buộc | 6 |
| 2 | Kiến thức tự chọn | 4 |
| 3 | Tiểu luận tổng quan | 2 |
| 4 | Chuyên đề | 4 |
| 5 | Luận án | 70 |

**4. CÁC KHỐI KIẾN THỨC**

**4.1. Danh mục các học phần bắt buộc**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã số** | **Tên học phần** | **Số tín chỉ** |
| 1 | TSV01 | Sinh thái biển | 02 |
| 2 | TSV02 | Phương pháp luận nghiên cứu khoa học | 02 |
| 3 | TSV03 | Năng suất sinh học các thủy vực | 02 |

**4.2. Danh mục các học phần tự chọn**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã số** | **Tên học phần** | **Số tín chỉ** |
| 1 | TSV04 | Đa dạng sinh học và bảo tồn biển | 02 |
| 2 | TSV05 | Đánh giá nguồn lợi và quản lý nghề cá | 02 |
| 3 | TSV06 | Lý thuyết biến động quần thể cá | 02 |
| 4 | TSV07 | Kinh tế xã hội nghề cá | 02 |

**5. MÔ TẢ NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN**

**5.1. Các học phần bắt buộc**

***TSV01: Sinh thái học nghề cá***

Môn học tập trung nghiên cứu về các đặc điểm của các hệ sinh thái biển phổ biến ở Việt Nam và trên thế giới như sinh vật phù du, sinh vật đáy, hệ sinh thái vùng triều, rừng ngập mặn, rong cỏ biển, rạn san hô, biển sâu… Đối với từng hệ sinh thái, môn học đi sâu tìm hiểu các khía cạnh dinh dưỡng, mối quan hệ giữa các bậc dinh dưỡng trong thuỷ vực, sự tương tác giữa môi trường và sinh vật, quan hệ giữa sinh vật với nhau, ảnh hưởng của các mối quan hệ này đến cấu trúc, biến động và năng suất của của chúng.

***TSV02: Phương pháp luận nghiên cứu khoa học***

Môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về phương pháp luận nghiên cứu khoa học, trình tự và tư duy logic trong nghiên cứu khoa học, giả thuyết và kiểm chứng giả thuyết khoa học, các phương pháp nghiên cứu khoa học về lý thuyết và thực tiễn. Ngoài ra, nghiên cứu sinh còn hiểu biết cách viết một công trình nghiên cứu khoa học (bài báo, chuyên đề, tổng luận, kỷ yếu, sách chuyên khảo…). Đặc biệt, nghiên cứu sinh được cung cấp những hiểu biết về phương pháp làm một luận án tiến sĩ sinh học bao gồm từ việc lựa chọn đề tài luận văn, xây dựng đề cương nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu, thu thập và xử lý thông tin, viết luận văn, bảo vệ luận văn, qui định về nội dung và hình thức trình bày một luận án tiến sĩ sinh học.

***TSV03: Năng suất sinh học các thủy vực***

Những kiến thức cơ bản về năng suất sinh học sơ cấp, năng suất sinh học thứ cấp, các phương pháp nghiên cứu năng suất sinh học, các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất sinh học và các biện pháp nâng cao năng suất sinh học thủy vực.

**5.2. Các học phần tự chọn**

***TSV04: Đa dạng sinh học và bảo tồn biển***

Trang bị cho nghiên cứu sinh (NCS) những kiến thức cơ bản và mở rộng về sinh thái học, đa dạng sinh học và sự tuyệt chủng thủy sinh vật, tài nguyên sinh vật và nguồn lợi hải sản. Mở rộng nhận thức cho NCS về phát triển bền vững trong quản lý và sử dụng các hệ sinh thái quan trọng của biển, giới thiệu cho NCS về các hoạt động bảo tồn Đ DSH biển Việt Nam; các quy định pháp luật trong quản lý khai thác và bảo vệ đa dạng sinh học và nguồn lợi biển.

***TSV05: Đánh giá nguồn lợi và quản lý nghề cá***

Giới thiệu chung các phương pháp, cách tiếp cận để đánh giá nguồn lợi hải sản. Trên cơ sở đánh giá hiện trạng và xu thế biến động nguồn lợi và sự tác động của áp lực khai thác cũng như tác động của điều kiện tự nhiên để ước tính khả năng khai thác bền vững tối đa để tư vấn cho các cơ quan quản lý. Học phần này cũng cung cấp các phương pháp, cách tiếp cận để quản lý nghề cá bền vững với một số mô hình quản lý kinh điển như quản lý đơn loài, quản lý đa loài và quản lý dựa trên cơ sở tiếp cận hệ sinh thái.

***TSV06: Lý thuyết biến động quần thể cá***

Các quá trình gây ra biến động số lượng quần thể cá dưới áp lực của khai thác và những tác động của các yếu tố tự nhiên và con người. Nội dung chính của môn học sẽ tập trung đến trạng thái trữ lượng và sự tái sinh trữ lượng, đặc tính tăng trưởng, mức sinh sản và mức chết của quần thể cá khai thác trong mối tương quan của quần thể cá với các yếu tố môi trường. Với quan điểm hướng tới sản lượng cân bằng trong khai thác và quản lý nghề cá, môn học cũng giới thiệu cho người học cơ sở lý thuyết của các phương pháp đánh giá trữ lượng, mức độ ảnh hưởng của nghề cá lên tình trạng trữ lượng và các phương pháp xác định lượng bổ sung và các mức tử vong.

***TSV07: Kinh tế xã hội nghề cá***

Cung cấp những kiến thức cơ bản về đặc điểm của nghề cá; kinh tế nghề cá. Những tương tác giữa khai thác và nguồn lợi; giữa các nhân tố xã hội và các vấn đề kinh tế nghề cá. Những lý thuyết cơ bản về kinh tế-sinh học và kinh tế-xã hội nghề cá. Sự cần thiết phải phát triển nghề cá bền vững và các yêu cầu quản lý nghề cá. Giới thiệu về hiện trạng nghề cá Việt nam; các vấn đề tồn tại và hướng giải quyết để phát triển nghề cá bền vững.

**5.3. Tiểu luận tổng quan**

Bài luận tổng quan về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết.

Nghiên cứu sinh phải viết bài tiêu luận không quá 30 trang A4, cách dòng 1,5 line và trình bày bằng PowerPoint (không quá 20 phút) trước Hội đồng đánh giá chuyên đề. Các tiêu chí đánh giá chuyên đề bao gồm:

* Chất lượng thông tin chuyên môn 60%
* Chất lượng trình bày bài viết 10%
* Chất lượng trình bày PowerPoint 10%
* Trả lời câu hỏi của Hội đồng 20%

**5.4. Chuyên đề**

Các chuyên đề tiến sĩ đòi hỏi nghiên cứu sinh tự cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài của nghiên cứu sinh, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, giúp nghiên cứu sinh giải quyết một số nội dung của đề tài luận án.

Nghiên cứu sinh phải viết 02 chuyên đề, mỗi chuyên đề không quá 30 trang A4, cách dòng 1,5 line và trình bày bằng PowerPoint (không quá 20 phút) trước Hội đồng đánh giá chuyên đề. Các tiêu chí đánh giá chuyên đề bao gồm:

* Chất lượng thông tin chuyên môn 60%
* Chất lượng trình bày bài viết 10%
* Chất lượng trình bày PowerPoint 10%
* Trả lời câu hỏi của Hội đồng 20%